

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 96/2024/HNGĐ-ST
Ngày 26-4-2024
V/v ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Luyến

Ông Nguyễn Thanh Hải

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hà Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Trang Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 57/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2024 về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị H, sinh năm 1994; nơi ĐKKHKT: Số 3/35 đường Đ, phường Nam Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Xã Giao An, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- **Bị đơn:** Anh Vũ Văn P, sinh năm 1992; nơi ĐKKHKT: Số 3/35 đường Đ, tổ dân phố số 5, phường Nam Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, hiện đang cư trú tại Anh.

Chị Trần Thị H vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Vũ Văn P vắng mặt, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Vũ Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Nam Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng vào ngày 29/10/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, lối sống, tính cách không phù hợp, hai bên không tìm được tiếng nói chung nên anh chị đã sống ly thân. Anh P sang nước ngoài có thông qua Cục Xuất nhập cảnh hay đi bằng đường bộ chị không nắm được. Chị H và anh P sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau về tình cảm cũng như kinh tế. Chị H hiện không liên lạc với anh P, mọi việc liên quan đến con cái và gia đình anh P đều liên lạc qua bố đẻ anh P là ông Vũ Văn Kh nên chị H không biết được địa chỉ của anh P tại Anh để cung cấp cho Tòa án. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Văn P.

Về con chung: Chị H và anh P có 01 con chung tên là Vũ Trần Khánh Ch, sinh ngày 27 tháng 01 năm 2014. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi con do anh P hiện đang ở nước ngoài. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị H và anh P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Vũ Văn P trong quá trình giải quyết vụ án:

Theo Công văn số 5412/QLXNC-P3 ngày 18/3/2024 của Cục Quản lý Xuất nhập cảnh - Bộ Công an thể hiện anh Vũ Văn P, sinh ngày 20/7/1982, đã xuất cảnh ngày 08/11/2018, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho ông Vũ Văn Kh là bố đẻ của anh Vũ Văn P. Tại Biên bản ghi lời khai ngày 15/3/2024, ông Kh trình bày: Anh P và chị Trần Thị H kết hôn do tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Nam Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng ngày 29/10/2013. Sau khi kết hôn anh P và chị H chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn cụ thể thế nào ông không nắm được nhưng anh chị sống ly thân mỗi người một nơi, chị H ở Nam Định, anh P ở Hải Phòng. Sau đó một thời gian anh P đi lao động ở Anh. Ông Kh đã thông báo cho anh P biết việc chị H xin ly hôn anh P tại Tòa án. Quan điểm của anh P là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Gia đình không có ý kiến gì nếu như chị H và anh P muốn ly hôn. Về con chung: Anh P và chị H có 01 con chung tên là Vũ Trần Khánh Ch, sinh ngày 27 tháng 01 năm 2014, đang ở với chị H, do anh P hiện đang ở nước ngoài nên trường hợp ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Ông Kh không nắm được, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về địa chỉ nơi cư trú của anh

P: Gia đình không biết địa chỉ cụ thể của anh P ở Anh nhưng vẫn liên lạc được với anh P qua điện thoại và thường xuyên trao đổi với anh P về các nội dung Tòa án thông báo nên anh P đã cung cấp các quan điểm như trên. Gia đình cũng đã yêu cầu anh P cung cấp địa chỉ tại Anh nhưng anh P không cung cấp địa chỉ chính xác cho gia đình được biết. Địa chỉ ĐKKHKT và nơi ở của anh P trước khi đi Anh là: Số 3/35 đường Đ, tổ dân phố số 5, phường Nam Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Do chị Trần Thị H đề nghị không tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được.

Tại phiên tòa, chị Trần Thị H và anh Vũ Văn P vắng mặt, Chủ tọa phiên tòa đã công bố lý do đương sự vắng mặt, công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan điểm giải quyết vụ án của các đương sự.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng về việc giải quyết vụ án:

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị Trần Thị H và anh Vũ Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Nam Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng ngày 29/10/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, anh P đã sang Anh để lao động và anh chị sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan hệ gì về mặt tình cảm và kinh tế. Xét thấy: Hôn nhân giữa chị H và anh P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần áp dụng khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H. Về con chung: Anh, chị có 01 con chung tên là Vũ Trần Khánh Ch, sinh ngày 27 tháng 01 năm 2014, hiện đang ở với chị H, khi ly hôn chị H đề nghị được nuôi con chung do anh P đang ở nước ngoài và không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy: Cháu Ch hiện nay vẫn ở cùng mẹ, có nguyện vọng được ở cùng mẹ, anh P mặc dù biết chị H xin ly hôn nhưng không có quan điểm gì về vấn đề hôn nhân và con chung, cháu Ch cũng có nguyện vọng được ở với mẹ, do đó cần tiếp tục giao cháu Ch cho chị H nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị H xin ly hôn anh Vũ Văn P hiện đang cư trú tại Anh (theo Công văn số 5412/QLXNC-P3 ngày 18/3/2024 của Cục Quản lý Xuất nhập cảnh - Bộ Công an thể hiện anh Vũ Văn P, sinh ngày 20/7/1982, đã xuất cảnh ngày 08/11/2018, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước). Địa chỉ nơi ĐKKHKT và nơi ở của anh P trước khi đi Anh là: Số 3/35 đường Đ, tổ dân phố số 5, phường Nam Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 469, Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn là chị Trần Thị H và bị đơn là anh Vũ Văn P cùng vắng mặt tại phiên tòa, chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt còn anh P vắng mặt không có lý do nhưng đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo lời khai của chị Trần Thị H và tài liệu có trong hồ sơ thể hiện, anh chị có kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Nam Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng ngày 29/10/2013, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Sau khi kết hôn, thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp, không tìm được tiếng nói chung. Năm 2018, anh P sang nước ngoài, chị H và anh P sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau về tình cảm cũng như kinh tế. Do đó, có cơ sở xác định cuộc sống chung giữa chị Trần Thị H và anh Vũ Văn P không hạnh phúc, không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị H được ly hôn anh Vũ Văn P.

[4] Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Vũ Văn P có 01 con chung tên là Vũ Trần Khánh Ch, sinh ngày 27 tháng 01 năm 2014, hiện con chung đang ở với chị H do anh P không có mặt tại Việt Nam. Chị H đề nghị được nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, phù hợp với nguyện vọng của con nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao con Vũ Trần Khánh Ch cho chị H trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi

khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị H và anh P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử tạm thời không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Trần Thị H và anh Vũ Văn P tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm:

[6] Chị Trần Thị H là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo của các đương sự:

[7] Chị Trần Thị H và anh Vũ Văn P được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H, cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H được ly hôn anh Vũ Văn P.
2. Về con chung: Giao con chung tên là Vũ Trần Khánh Ch, sinh ngày 27 tháng 01 năm 2014 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị H không yêu cầu, nên tạm thời Tòa án không giải quyết.
Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.
3. Về tài sản chung: Chị Trần Thị H và anh Vũ Văn P không yêu cầu, nên Tòa án không giải quyết.
4. Về án phí: Chị Trần Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 (Ba trăm

ngàn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000034 ngày 04/3/2024 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Chị Trần Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Anh Vũ Văn P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường Nam Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng (ĐKKH ngày 29/10/2013);
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Hà